

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3129 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu
Mua bổ sung hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán
tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 687/TTr-BVTS ngày 12/9/2022; kèm theo Báo cáo thẩm định số 29/BC-TTĐ ngày 12/9/2022 của Sở Y tế về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua bổ sung hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua bổ sung hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022.

2. Phân chia gói thầu: Toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu.

Gói thầu: Mua bổ sung hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022: gồm 44 mặt hàng, chia làm 06 nhóm

Nhóm	Số mặt hàng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
Nhóm 1	18	433.891.644
Nhóm 2	1	73.152.000
Nhóm 3	13	1.024.338.630
Nhóm 4	3	604.740.000
Nhóm 5	5	89.763.880
Nhóm 6	4	353.080.000
Tổng cộng	44	2.578.966.154

Phân nhóm thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

3. Giá gói thầu: 2.578.966.154 đồng (Bằng chữ: *Hai tỉ năm trăm bảy mươi tám triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm năm tư đồng chẵn*).

Giá gói thầu là tổng giá trị các mặt hàng trong gói thầu. Giá các mặt hàng trong gói thầu đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển tới kho của Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn .

4. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn .

5. Nguồn vốn: Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Tổ chức thực hiện: Đấu thầu tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn .

7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn trực tiếp thanh toán cho các đơn vị trúng thầu. Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với số lượng mặt hàng thực tế mà nhà thầu đã thực hiện (Bệnh viện đã mua). Trường hợp số lượng có biến động thì điều chỉnh theo khoản 3, điều 93 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 6 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng)

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VXsln.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC

Mua bổ sung hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn năm 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Model: XP100; KX 21 SYSMEX								.		
1	22.TS.M2.1	N6	Clean-SYS	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Model: XP100; KX 21 SYSMEX	Lọ 50ml	Dewei-Trung Quốc	ml	200	14.500	2.900.000
2	22.TS.M2.2	N6	Diluent-EPK	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Model: XP100; KX 21 SYSMEX	Can 20L	Dewei-Trung Quốc	ml	2.400.000	68	163.200.000
3	22.TS.M2.6	N6	Lyse-WH	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Model: XP100; KX 21 SYSMEX	6x3ml	Dewei-Trung Quốc	ml	50.000	1.450	72.500.000
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, Celltac G. HÃNG SX: NIHON KONDEN								.		
4	22.TS.M4.2	N3	Dung dịch Cleanac	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, Celltac G. HÃNG SX: NIHON KONDEN	5 L/Can	Nihon Kohden Corporation - Nhật Bản	ml	30.000	735	22.050.000
5	22.TS.M4.6	N3	Dung dịch Hemolynac 3N	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, Celltac G. HÃNG SX: NIHON KONDEN	500 ml/Can	Nihon Kohden Corporation - Nhật Bản	ml	30.000	4.830	144.900.000
6	22.TS.M4.10	N3	Dung dịch Isotonac 3	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, Celltac G. HÃNG SX: NIHON KONDEN	18 L /Can	Nihon Kohden Corporation - Nhật Bản	ml	1.080.000	145	156.600.000

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCCN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE							.		
7	22.TS.M10.7	N1	20764957322 ALTL, 500T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	500 tests	Roche - Đức	Test	18.000	2.880	51.840.000
8	22.TS.M10.1 1	N1	20764949322 ASTL, 500T COBAS C./INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	500 tests	Roche - Đức	Test	18.000	2.880	51.840.000
9	22.TS.M10.1 5	N1	05589061190 BIL-D Gen.2, 350T cobas c	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	350 tests	Roche - Đức	Test	350	1.750	612.500
10	22.TS.M10.1 6	N1	05795397190 BIL-T Gen.3, 250T c/I	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	250 tests	Roche - Đức	Test	250	1.730	432.500
11	22.TS.M10.2 1	N1	10759350190 CFAS 12X3ML	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	12x3 ml	Roche - Đức	ml	36	45.000	1.620.000
12	22.TS.M10.3 2	N1	03263991190 C-pack CRE Plus G2, 250Tests	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	250 tests	Roche - Đức	Test	18.000	3.050	54.900.000
13	22.TS.M10.3 9	N1	03039773190 CHOL HICO GEN.2 400T COBAS C	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	400 tests	Roche - Đức	Test	18.000	1.750	31.500.000
14	22.TS.M10.5 1	N1	03002721122 GGT G2-400T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	400 tests	Roche - Đức	Test	400	2.375	950.000
15	22.TS.M10.5 2	N1	04404483190 GLUC HK G3. 800T COBAS C	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	800 tests	Roche - Đức	Test	24.000	1.923,00	46.152.000
16	22.TS.M10.7 3	N1	04489357190 NACL 9% DIL, COBAS C	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	50 ml	Roche - Đức	ml	100	4.850	485.000
17	22.TS.M10.7 6	N2	04880285190 NAOH-D/BASIC	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH	2x1.8L	Roche - Trung	ml	144.000	508	73.152.000

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
			WASH 2x1,8L	HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE		Quốc				
18	22.TS.M10.1 01	N1	03183734190 TP G2 300T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	300 tests	Roche - Đức	Test	300	1.860	558.000
19	22.TS.M10.1 03	N1	20767107322 TRIGL 250T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	250 tests	Roche - Đức	Test	18.000	3.040	54.720.000
20	22.TS.M10.1 05	N1	03183807190 UA G2 400T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	400 tests	Roche - Đức	Test	1.200	2.230	2.676.000
21	22.TS.M10.1 07	N1	04460715190 UREAL 500T COBAS C/INTEGRA	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COBAS C - ROCHE	500 tests	Roche - Đức	Test	18.000	3.350	60.300.000
HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA								.		
22	M12.1	N3	ALANINE AMINOTRANSFER ASE (ALT/GPT)	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA	1x400m L+1x10 0mL	Biosystems S.A - Tây Ban Nha	ml	9.000	5.275,20	47.476.800
23	M12.15	N3	CHOLESTEROL	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA	10x50m L	Biosystems S.A - Tây Ban Nha	ml	10.000	4.796,40	47.964.000
24	M12.22	N3	CREATININE	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA	5x50mL +5x50m L	Biosystems S.A - Tây Ban Nha	ml	6.000	4.342,80	26.056.800
25	M12.27	N3	GLUCOSE	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA	1x500m L+1x5m L	Biosystems S.A - Tây Ban Nha	ml	10.100	1.821,39	18.396.000
26	M12.33	N3	TRIGLYCERIDES	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO	10x50m	Biosystems	ml	9.000		90.644.400

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
				MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA	L	ms S.A - Tây Ban Nha			10.071,60	
HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER								.		
27	M14.4	N3	AST	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	4x6ml+ 4x6ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	960	20.538	19.716.480
28	M14.13	N3	Cleaning Solution	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	450ml/ Bình	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen	ml	450	1.187	534.150
29	M14.20	N1	CHOLESTEROL	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	4x22.5 ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	900	39.247	35.322.300
30	M14.56	N1	TRIGLYCERIDE	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	4x20ml +4x5ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen sản xuất cho	ml	600	31.206	18.723.600

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
						Beckman Coulter, Inc., Mỹ				
31	M14.57	N1	UREA/UREA NITROGEN	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	4x53ml +4x53ml/ Hộp	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	848	16.403	13.909.744
32	M14.60	N1	Wash Solution	HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER	1x5l/ Can	Beckman Coulter Ireland Inc., Ailen sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	ml	10.000	735	7.350.000
HÓA CHẤT , VẬT TƯ DÙNG cho Máy xét nghiệm HbA1C Model: SD A1cCare, Hãng sx: SD Biosensor/ Hàn Quốc								.		
33	M38.1	N4	StandardTM A1cCare Test Kit	HÓA CHẤT , VẬT TƯ DÙNG cho máy xét nghiệm HbA1C Model: SD A1cCare, Hãng sx: SD Biosensor/ Hàn Quốc	Hộp 20 test	SD Biosensor , InC- Hàn Quốc	Test	2500	69.500	173.750.000
	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết OneTouch Ultra của hãng Johnson & Johnson Lifescan/Anh									-
34	M44.1	N3	Test thử đường huyết OneTouch Ultra Plus	Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Ultra của hãng Johnson & Johnson Lifescan/Anh	Hộp 25 test	Lifescan - Anh	Test	10.000	9.000	90.000.000

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
	Test thử sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu ComboStik R-50S; R-300; R-720; DFI Hàn Quốc							.		
35	M50.1	N4	ComboStik 11M	Test thử sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu ComboStik R-50S; R-300; R-720; DFI Hàn Quốc	100 test/ hộp	DFI - Hàn Quốc	Test	100.000	4.300	430.000.000
	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN									-
36	SPCĐ.8	4	SD Bioline Syphilis 3.0	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN	Hộp 100 test	Standard Diagnosti cs, InC - Hàn Quốc	Test	50	19.800	990.000
37	SPCĐ.11	3	Alere Determine HIV ½ (Determine™ HIV- ½),	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN	Túi/ 100 test	Alere Medical Co., Ltd (Abb ott Diagnosti cs Medical Co., Ltd)- Nhật Bản	Test	5000	39.500	197.500.000
38	SPCĐ.26	3	Determine™ HBsAg 2	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN	Hộp (túi) 100 test	Abbott Diagnosti cs Medical Co., Ltd- Nhật Bản	Test	5000	32.500	162.500.000
39	SPCĐ.31	6	SD Bioline HCV	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN	Hộp 100 test	Standard Diagnosti cs, InC - Hàn Quốc	Test	4000	28.620	114.480.000
	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG									-

STT	Mã hàng hóa mời thầu	Phân nhóm kỹ thuật	Tên HCXN, SPCĐ mời thầu	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch dự kiến (VND)	Tổng tiền dự kiến
40	HCDC.57	5	MELAB- Color Gram Set (Bộ nhuộm Gram)	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	Bộ 4 chai 100ml	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt Nam	Bộ	2	312.190	624.380
41	HCDC.60	5	Chloramine B	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	25 kg/ Thùng	Đức giang, Việt Nam	kg	100	165.000	16.500.000
42	HCDC.71	5	Nước cất 2 lần	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	Can 10L	Minh Tân-Việt Nam	ml	1.000.000	11	10.500.000
43	HCDC.61	5	Cồn sát trùng 70 độ	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	30 lít/can	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	1.800.000	35	62.100.000
44	HCDC.62	5	Cồn sát trùng 90 độ	HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	30 lít/can	Thuận Phát/ Việt Nam	ml	1.000	40	39.500
	Tổng cộng: 44 khoản									2.578.966.154